

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO NHỎ NĂM HỌC 2024 – 2025

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất a, Phát triển vận động				
1	- Trẻ có thể thực hiện đứng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1 -> 9	
2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m	- Đi trên vạch thẳng kẻ trên sàn - Đi trên ghế thể dục - Đi bằng gót chân - Đi khụy gối - Đi lùi - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống 30-35cm - Bật tách tách chân, khếp chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Nhảy lò cò 3m	3 4 1 2 8 4 1 6 6 5 8	
3	- Trẻ có khả năng kiểm soát	- Đi thay đổi tốc theo hiệu lệnh	6	

	được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy đích đặc(đổi hướng) theo vật chuẩn	8 5 9	
4	- Trẻ có khả năng phối hợp tay - mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) : bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng 3m) + Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Đập và bắt bóng tại chỗ	3 4 6, 7 1 2 8 5	
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích đặc (3-4 điểm đích đặc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15 m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 60-80m - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Bò đích đặc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng - Bò bằng bàn chân, bàn tay 3-4m - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên, xuống 5 gióng thang	9 7 8 3 1 2 6 4 5 7	
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở, các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...	1, 5, 6, 9	
7	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối. + Biết tết sợi đôi. +Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây	3,4,5,6, 7,9	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

8	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết 1 số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và	2, 5	
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	2	
10	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		6	
11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Tập đánh răng, lau mặt. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	1,2,7	
12	- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			
13	- Trẻ có 1 số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng chống đơn giản	1, 2	

14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau , chảy máu hoặc sốt... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1,2,3,4 7,8	
15	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3,4	
16	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		8	
17	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được		1,2,6,8, 9	

	phép của cô giáo.			
18	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết		3,7, 8,9	
2. Phát triển nhận thức a. Khám phá khoa học				
19	- Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; Vì sao lá cây bị ướt?”....	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	8	
20	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	1, 5,6	
21	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	7,8	
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	2,4,5,6, 8	
23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu	1, 3, 5,6	

		- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.		
24	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	1, 8	
25	- Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	1, 3, 5,6	
26	- Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		7, 8	
27	- Trẻ biết thể hiện 1 số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		5, 6	

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

28	- Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu ? “ Là số mấy ?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	1,2,3,4, 5,9	
29	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	3, 7,8,9	
30	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà,biển số xe,..) - Xếp tương ứng 1 -1, ghép đôi.	8, 9	
31	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		4,5	
32	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn		3,4,6	
33	- Trẻ biết Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng và số		1,3,4,6	

	thứ tự			
34	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		7	
35	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6	
36	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8	
37	- Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	5	
38	- Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7	
39	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	2	
40	- Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		8	
c. Khám phá xã hội				
41	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	2	
42	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		3	
43	- Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.			
44	- Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1	
	- Trẻ nói tên, một số công			

45	việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
46	- Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
47	- Trẻ có thể kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	4	
48	- Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.	6,7,9	
49	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		9	
3. Phát triển ngôn ngữ				
a. Nghe hiểu lời nói				
50	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở, rộng câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	6.	
51	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	4, 5,6	
52	- Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1,2,3,4, 7,9	
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
53	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1,2,3,4, 5,6,8,9	
54	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai ?” ; “Cái gì ?” ; “Ở đâu?” ; “Khi nào?” ; “ Để làm gì?”	1,2,4,5, 6,7,8,9	
55	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu	1,3,5,7, 8,9	

56	- Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép .	6,8	
57	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Mô tả sự vật hiện tượng, tranh ảnh	1,2,3,4, 5,6,8,9	
58	- Trẻ có thể kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3,4, 5,6,7,9	
59	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe - Đóng kịch - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	5	
60	- Trẻ có thể sử dụng các từ như “ Mời cô”; “Mời bạn”, “Cảm ơn”, “Xin lỗi” trong giao tiếp.		1, 2	
61	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		2,3	

c. Làm quen với việc đọc – viết

62	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	4,8,9	
63	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	6,8,9	
64	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	3,5,7, 9	
65	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ,...)	7,8, 9	
66	- Trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,....	- Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách	7,8	

4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội

67	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính - Sở thích, khả năng của bản thân.	2,3, 4	
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những		2,4	

	việc gì bé có thể làm được.			
69	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1,6,7	
70	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		1,3,7	
71	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2, 3	
72	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	5	
73	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9	
74	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
75	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9	
76	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3, 7	
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Quan tâm giúp đỡ bạn.	1, 2, 3,	
78	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	4	
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt hợp tác.	1,2, 4, 5, 8	
80	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực		2,3,4,5,	

	hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật...)		6,7,9	
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6	
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	6, 8	
83	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường . - Tiết kiệm điện, nước.		
84	- Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt điện khi ra khỏi phòng.		1, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
5. Phát triển thẩm mỹ				
85	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca)	3,4	
86	- Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		1,2,4	
87	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		1 ->9	
88	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1 ->9	
	- Trẻ biết vận động nhịp			

89	nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	1 -> 9	
90	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm		3,5,6,7,8,9	
91	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		1,6,9	
92	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		4	
93	- Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		5,6	
94	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		5,6,7,9	
95	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		1,2,3,4,5,6,7,9	
96	- Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. - Lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	5	
97	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		4, 8,9	
98	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		1,2,3,4,5,6,7.	
99	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình		7,8	

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
Từ ngày 09/9 - 04/10/2024	1	Trường mầm non – Tết trung thu	Ngày hội đến trường của bé	1	- Khai giảng (5/9/2024) - Tết trung thu (17/9/2024)	
			Bé vui đón tết trung thu	1		
			Lớp học của bé	1		
			Đồ dùng đồ chơi của bé	1		
Từ ngày 07/10 – 25/10/2024	2	Bản thân	Bé giới thiệu về mình	1		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	1		
			Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	1		
Từ ngày 28/10 - 22/11/2024	3	Gia đình – Ngày 20/11	Gia đình và họ hàng của bé	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Ngôi nhà thân yêu của bé	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
Từ ngày 25/11 - 20/12/2024	4	Các ngành nghề phổ biến	Nghề nông	1		
			Nghề xây dựng	1		
			Nghề dịch vụ	1		
			Thành lập QĐNDVN	1		
Từ ngày 23/12- 17/01/2025	5	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1		
			Động vật sống trong rừng	1		
			Động vật sống dưới nước	1		
			Côn trùng và chim	1		
Từ ngày 20/01 - 28/02/2025	6	Thế giới thực vật - tết và mùa	Bé vui đón tết	1	- Tết nguyên đán (28/01 -	
			Cây xanh- người bảo vệ trái đất	1		
			Một số loại hoa	1		

		xuân	Một số loại quả	1	02/02/2025)	
			Một số loại rau, củ	1		
Từ ngày 03/03 đến 28/03/2025	7	Phương tiện và các quy định giao thông - Ngày 8/3	Ngày hội 8/3	1		
			PTGT đường bộ	1		
			PTGT đường thủy - đường hàng không	1		
			Các quy định giao thông	1		
Từ ngày 31/03 đến 18/04/2025	8	Nước và các HTTN	Nước – nguồn sống của con người	1		
			Các hiện tượng tự nhiên	1		
			Mùa hè kỳ diệu	1		
Từ ngày 21/4 đến 16/05/2025	9	QHĐN – Bác Hồ - Trường TH – Tết thiếu nhi	Bé yêu quê hương- đất nước	1	- Tổng kết năm học	
			Thủ đô Hà Nội	1		
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Tết thiếu nhi	1		

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT

Hoàng Thị Lệ Hằng